

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HSST
Ngày 20 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Đào; bà Trịnh Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 17 và 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/TLST-HS ngày 29/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HS ngày 04/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/HSST-QĐ ngày 23/12/2024, đối với các bị cáo:

1. Chu Văn H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/4/1978 tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp khi phạm tội: Phó Đội trưởng, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH (PC07) Công an tỉnh N; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Đảng viên Đ7 (Quyết định cho ra khỏi Đảng số 542/QĐ-HU ngày 15/12/2023 của Huyện ủy T16, tỉnh Nam Định); con ông Chu Văn Đ, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951; vợ là Phạm Thị N, sinh năm 1990 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2024). Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07/5/1988 tại huyện N, tỉnh Nam Định. Nơi ĐKNKTT: Tổ V, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp khi phạm tội: Nhân viên Công ty cổ phần A1; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1967; vợ là Trần Thị N1, sinh năm 1991 và có 03 con

(con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2024). Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

3. Đỗ Quang D1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 03/7/1991 tại xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: A, đường T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Duy H1, T1 gọi khác: Không; sinh ngày 20/12/1982 tại xã Y, huyện H, Thành phố Hà Nội. Nơi ĐKNKTT: Thôn G, xã Y, huyện H, Thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh Gas; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Duy Đ3, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T2 (đã chết); vợ là Đỗ Thị H2, sinh năm 1991 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2020). Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2012/HSST ngày 14/12/2012, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt Nguyễn Duy H1 12.000.000 đồng về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong hình phạt ngày 29/01/2013). Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 178/2024/HSST ngày 18/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt Nguyễn Duy H1 36 tháng tù về tội Đánh bạc. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2024 đến ngày 24/7/2024. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh S (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Quang H3, tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/9/1985 tại Xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Nơi ĐKNKTT: Tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Tổ D, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh Gas; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; vợ là Lê Thị Thu T4, sinh năm 1987 và có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013). Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2024 đến ngày 24/7/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

6. Đinh Văn T5, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07/7/1987 tại xã S, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Nơi ĐKNKTT: Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh Gas; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Đinh Duy N2, sinh năm 1946 và bà Bùi Thị T6, sinh năm 1954; vợ là Lò Thị X, sinh năm 1991 và có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2024). Tiền

án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

7. Nguyễn Văn H4, tên gọi khác: Không; sinh ngày 06/9/1986 tại huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Tiểu khu C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh Gas; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Duy H5, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị N3, sinh năm 1965; vợ là Dương Thị Mai A, sinh năm 1986 và có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013). Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2024 đến ngày 24/7/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

8. Đào Văn L1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 13/3/1983 tại xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi ĐKNKTT: Tiểu khu F, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Tiểu khu D, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh Gas; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Đào Văn N4, sinh năm 1956 và bà Tạ Thị T7, sinh năm 1956; vợ là Nguyễn Thị T8, sinh năm 1986 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2021). Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2024 đến ngày 24/7/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

9. Nguyễn Văn T9, tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/02/1986 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nơi ĐKNKTT: Bản M, xã Q, huyện P, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh Gas; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1952 và bà Lê Thị Q, sinh năm 1954; vợ là Vì Thị Hồng L2, sinh năm 1993 và có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019). Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

10. Nguyễn Văn H6, tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/11/1988 tại xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Nơi ĐKNKTT: Tổ G, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh Gas; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H7, sinh năm 1966; vợ là Đào Như P, sinh năm 1995 và có 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020). Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

11. Nguyễn Văn V, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/3/1984 tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Nơi ĐKNKTT: Tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Kinh doanh Gas; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn L4, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị N5, sinh năm 1954; vợ là Nguyễn Thị L5, sinh năm 1990 và có 04 con (con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2023). Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D:** Ông Nguyễn Quốc K, Luật sư Văn phòng L7, Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: P Tòa nhà D, số A, đường V, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

- **Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Quang D1:** Ông Nguyễn Phương V1, Luật sư Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt tại phiên tòa).

- **Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn T5:** Ông Hoàng Văn T10, Luật sư Chi nhánh Công ty L8 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: A Chợ Đ, thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên (có mặt tại phiên tòa).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Tòng Văn H8, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La (có mặt tại phiên tòa).

+ Lò Văn H9, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Bản P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La (có mặt tại phiên tòa).

+ Đèo Văn M, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

+ Lê Diễm H10, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

+ Phạm Ngọc B1, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

+ Bạch Văn N6, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Bản K, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

+ Đỗ Thị L6, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Bản K, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

+ Lò Văn N7, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

+ Nguyễn Văn T11, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

+ Lò Văn H11, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

+ Tòng Văn H12, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Bản T, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

+ Nguyễn Tiến C1, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện V, tỉnh

Nam Định (vắng mặt).

+ Nguyễn Bình C2, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

+ Chu Văn Đ, sinh năm 1951. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt).

+ Nguyễn Văn Đ4, sinh năm 1985. Địa chỉ: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (có mặt).

+ Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Văn H nguyên là Phó Đội trưởng, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh N là người được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, tham mưu cấp các giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh gas. Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 biết Chu Văn H là người có chức vụ, đã liên hệ với H xin cấp các giấy tờ về phòng cháy, chữa cháy. Sau đó, D và D1 đã nhận thông tin của cá nhân qua Z và chuyển qua Zalo cho H. Tiếp đó, H soạn thảo Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện trên máy tính cá nhân và sử dụng phôi mẫu do đơn vị giao quản lý in ra, ký giả chữ ký của lãnh đạo (*ông Vũ Quyết C3 và ông Phạm Hoàng H13*), đóng dấu của Phòng C9 và CNCH Công an tỉnh N rồi giao cho D, D1 và nhận tiền từ các cá nhân gồm: Nguyễn Quang H3, Nguyễn Duy H1, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V. Cụ thể:

1. Đối với hành vi Giả mạo trong công tác của Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1:

Công ty Cổ phần A1, trụ sở tại: Số A, H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (*trước đây Trụ sở tại: Số D, thành C, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định*), ngành nghề chủ yếu là kinh doanh gas, do ông Trần Đăng K1, sinh năm 1962, trú tại: 2, M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định làm Giám đốc. Năm 2011, Công ty ký hợp đồng lao động với Nguyễn Văn D, là lái xe vận chuyển gas. Khoảng năm 2017, D được ông Trần Đăng K1 giao liên hệ với các đơn vị chức năng, làm thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển; biểu trưng dùng cho xe ô tô vận chuyển gas; Chứng nhận huấn luyện cho nhân viên của Công ty, phục vụ hoạt động kinh doanh gas. Doanh đã liên hệ với Chu Văn H - Phó Đội trưởng, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh N là người được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, tham mưu cấp các giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh gas để làm thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện cho nhân viên của Công ty Cổ phần A1 (*theo quy định việc cấp các giấy tờ trên không phải nộp tiền*). Trong đó D đã làm Giấy phép vận chuyển; biểu trưng dùng cho xe ô tô vận chuyển

gas và Chứng nhận huấn luyện cho Đỗ Quang D1 là người cùng làm việc tại Công ty Cổ phần A1 (*D2 làm thuê cho công ty từ khoảng năm 2013 nhưng không ký hợp đồng lao động*). Do thấy việc làm các giấy tờ trên dễ dàng, nên Đỗ Quang D1 nảy sinh ý định đăng quảng cáo tìm người làm các giấy tờ trên để hưởng lợi. Sau đó D1 đặt vấn đề nhờ D làm các giấy tờ trên cho một số người ở tỉnh khác, không phải là nhân viên Công ty Cổ phần A1, D nhất trí. Doanh đặt vấn đề và thỏa thuận trả cho H từ 800.000đ đến 1.000.000đ/Giấy phép vận chuyển; 200.000đ/Chứng nhận huấn luyện. H đồng ý và yêu cầu D chụp ảnh giấy tờ liên quan (*làm Chứng nhận huấn luyện thì chụp ảnh Giấy đăng ký; đăng kiểm xe ô tô; Giấy phép lái xe; Chứng nhận huấn luyện của lái xe; làm Chứng nhận huấn luyện thì chụp ảnh căn cước công dân*) của người đặt làm gửi qua Zalo cho H, các giấy tờ H làm đều lấy tên Công ty Cổ phần A1. Doanh trao đổi lại với D1 là H thu 1.000.000đ/Giấy phép vận chuyển; 200.000đ/Chứng nhận huấn luyện, nhưng cứ thu của người đặt làm 500.000đ/giấy, tiền hưởng lợi D1 giữ để chi tiêu ăn uống cho D1 và D. Do vậy, D1 sử dụng tài khoản Facebook cá nhân “*Duy Nuti*” đăng quảng cáo có lớp tập huấn và đăng ảnh Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện và số điện thoại của D1 0886088055 vào một số nhóm Facebook Hội kinh doanh gas để tìm người làm. D1 báo giá từ 1.600.000đ đến 1.700.000đ/Giấy phép vận chuyển; 500.000đ/Chứng nhận huấn luyện, chỉ cần chụp các giấy tờ liên quan gửi cho D1. Đã có nhiều người chuyển thông tin cho D1 đặt làm các giấy tờ trên. Khi nhận thông tin của người đặt làm, D1 chuyển tiếp qua Zalo cho D và D chuyển cho H.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình (Phó Đội trưởng, Phòng C9 và CNCH Công an tỉnh N là người được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, tham mưu cấp các giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh gas), căn cứ thông tin trên ảnh chụp các giấy tờ do D chuyển, H soạn thảo Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện trên máy tính cá nhân (*nhãn hiệu DELL*) và sử dụng phôi mẫu do đơn vị giao quản lý in ra, ký giả chữ ký của lãnh đạo (*ông Vũ Quyết C3 trưởng phòng và ông Phạm Hoàng H13 phó trưởng phòng*), đóng dấu của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh N rồi giao cho D, hoặc D1 và nhận tiền từ D3. Sau đó D chuyển cho D1 để D1 chuyển cho những người đặt làm.

Quá trình điều tra xác định: Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 đã làm giả 12 Giấy phép vận chuyển; biểu trưng dành cho xe vận chuyển gas và 14 Chứng nhận huấn luyện cụ thể:

Nguyễn Quang H3: 02 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 29H-747.79 và 26C-066.75, giá 1.600.000đ/giấy; 06 Chứng nhận huấn luyện mang tên: Phạm Ngọc B1, Nguyễn Văn T11, Lò Văn N7, Lò Văn H11, Lê Diễm H10, Tòng Văn H12, giá 500.000đ/giấy (*02 người là H10, H12 đã làm xong nhưng D1 chưa giao cho H3 và chủ động giao nộp cho Cơ quan An ninh điều tra*).

Nguyễn Duy H1: 03 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 29C-864.90 (*năm 2021 và 2022*) và 26C-111.53, giá 1.600.000đ/1giấy.

Đinh Văn T5: 02 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 36H-014.37 và 26C-005.87, giá 1.600.000đ/1 giấy.

Nguyễn Văn H4: 02 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-088.98 và 26H-003.55, giá 1.600.000đ/1 giấy.

Đào Văn L1: 01 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-005.87 (*T5 làm cho L1 bị sai thông tin nên L1 bảo D1 làm lại, không thu tiền*); 01 Chứng nhận huấn luyện mang tên Đào Văn L1, giá 500.000đ.

Nguyễn Văn H6: 01 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-096.94, giá 1.600.000đ.

Nguyễn Văn V: 01 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-083.65, giá 1.700.000đ; 03 Chứng nhận huấn luyện mang tên Lò Văn H9, Tòng Văn H8, Đèo Văn M, giá 500.000đ/1 giấy.

Nguyễn Văn T9: 01 Chứng nhận huấn luyện mang tên Nguyễn Văn T9, giá 500.000đ.

Ngoài ra, H, D, D1 còn làm giả 03 Chứng nhận huấn luyện mang tên Đỗ Quang D1, Nguyễn Bình C4, Nguyễn Tiến C1 (*D1 tự giao nộp*).

Tiền hưởng lợi từ việc làm giả các giấy tờ: Chu Văn H được hưởng lợi: 11 Giấy phép vận chuyển, thu 1.000.000đ/giấy = 11.000.000đ + 09 Chứng nhận huấn luyện, thu 200.000đ/giấy = 1.800.000đ. Tổng cộng = 12.800.000đ (*Làm 12 Giấy phép vận chuyển, tuy nhiên của xe B7 làm sai thông tin phải làm lại nên không thu tiền; 14 Chứng nhận huấn luyện, tuy nhiên 05 giấy mang tên Lê Diễm H10, Tòng Văn H12, Đỗ Quang D1, Nguyễn Bình C4, Nguyễn Tiến C1 chưa giao, chưa thu được tiền*).

Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 được hưởng lợi: 9.400.000đ (11 Giấy phép vận chuyển, trong đó 10 giấy được hưởng lợi 600.000đ/giấy; 01 giấy được hưởng lợi 700.000đ + 09 Chứng nhận huấn luyện được hưởng lợi 300.000đ/giấy).

2. Đối với hành vi Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Quang H3, Nguyễn Duy H1, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V:

2.1. Nguyễn Quang H3 - Chủ cửa hàng G

Nguyễn Quang H3 kinh doanh Gas từ năm 2017; có cửa hàng tại: Số A, Trần Đăng N8, tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Từ năm 2019 đến năm 2020 H3 đã 06 lần trực tiếp làm thủ tục xin cấp Giấy phép vận chuyển; năm 2018 đã tập huấn và được cấp Chứng nhận huấn luyện nên nắm rõ thủ tục, quy trình, quy định về việc cấp các giấy tờ trên.

Gia đình H3 có 02 xe ô tô biển kiểm soát 29H-747.79 và 26C-066.75 nhưng chưa được cấp Giấy phép vận chuyển. Khoảng tháng 5/2023, H3 thấy trên Hội nhóm Facebook “*Hội các đại lý gas và bếp gas Bắc Trung N9*” có tài khoản “*Duy*

Nuti” đăng quảng cáo và đăng ảnh Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện, kèm số điện thoại 0886088055. H3 sử dụng tài khoản Facebook cá nhân “Gas lpg Huy H14” nhấn tin đặt làm Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện, D1 báo giá là 1.600.000đ/Giấy phép vận chuyển, chỉ cần gửi ảnh chụp các giấy tờ gồm: Đăng ký, đăng kiểm xe, Giấy phép lái xe, Chứng nhận huấn luyện của lái xe; 500.000đ/Chứng nhận huấn luyện chỉ cần gửi ảnh chụp Căn cước công dân. H3 đồng ý, đặt D1 làm Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-066.75 và chụp ảnh đăng ký, đăng kiểm của xe gửi cho D1. Cũng thời gian này H3 thuê lại cửa hàng gas “Biên Hương” của gia đình Phạm Ngọc B1 (vợ là Lê Diễm H10) tại: Xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu và thuê vợ chồng B1 quản lý và kinh doanh gas, do Chứng nhận huấn luyện của B1 đã hết hạn nên B1 đề nghị thuê thêm Lò Văn N7, Lò Văn H11 và Nguyễn Văn T11 cùng trú tại: huyện T, tỉnh Lai Châu làm nhân viên giao gas lẻ. Vì vậy, H3 yêu cầu B1 chụp ảnh căn cước công dân của B1, H10, N7, H11, T11 gửi cho H3, rồi H3 gửi cho D1 đặt làm Chứng nhận huấn luyện cho 05 người này. Ngoài ra, Lương Anh Đ5, trú tại: Tổ D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La là lái xe chở gas của gia đình H3 đề nghị cho cháu của Đ5 là Tòng Văn H12, trú tại: Bản T, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La đi phụ bốc gas cùng Đ5 nên H3 bảo Đ5 chụp ảnh căn cước công dân của H12 gửi cho H3 và H3 gửi cho D1 đặt làm Chứng nhận huấn luyện cho H12. Sau đó D1 gửi Giấy phép vận chuyển của xe ô tô 26C-066.75 và Chứng nhận huấn luyện của Phạm Ngọc B1, Nguyễn Văn T11, Lò Văn N7, Lò Văn H11 cho H3 qua dịch vụ chuyển phát của Bưu điện, khi nhận H3 thanh toán 3.600.000đ cho nhân viên chuyển phát (Sau khi gửi thông tin của Lê Diễm H10 và Tòng Văn H12 cho D1 thì H3 không thuê H10 và Hơn nữa nên không nhận Chứng nhận huấn luyện của hai người này). Sau khi nhận được biểu trưng H3 dán lên kính trước của xe ô tô 26C-066.75 và chuyển Chứng nhận huấn luyện của B1, T11, N7, H11 cho Phạm Ngọc B1 để sử dụng trong quá trình vận chuyển, kinh doanh gas cho H3.

Khoảng tháng 7/2023, H3 tiếp tục gửi ảnh chụp đăng ký, đăng kiểm của xe ô tô vận chuyển gas biển kiểm soát 29H-747.79 đặt D1 làm Giấy phép vận chuyển cho chiếc xe này với giá 1.600.000đ. Khi làm xong D1 gửi cho H3 qua dịch vụ chuyển phát, thu hộ của Bưu điện và H3 đã thanh toán 1.600.000đ cho nhân viên chuyển phát. Tiếp đó, H3 dán biểu trưng lên kính trước của xe ô tô, cắt Giấy phép vận chuyển trên xe và sử dụng xe ô tô này vận chuyển gas từ Công ty TNHH C10 - khu Công nghiệp B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La về kho gas của gia đình tại: Tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La (Ngày 01/01/2023 H3 ký hợp đồng mua gas với công ty, thời hạn đến 01/01/2028. Từ ngày 13/7/2023 đến ngày 15/12/2023, H3 đã mua và sử dụng xe ô tô 29C-747.79 để vận chuyển 11 chuyến gas với tổng khối lượng 42.504kg gas).

2.2. Nguyễn Duy H1 - Chủ cửa hàng gas Chính Thuận

Năm 2014, gia đình Nguyễn Duy H1 mở cửa hàng kinh doanh gas tại: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, thời điểm đó H1 đang công tác tại Chi

nhánh xăng dầu Sơn La nên nhờ bố vợ là ông Đỗ Quốc C5, trú tại: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La đứng tên chủ cửa hàng. Quá trình kinh doanh H1 có mua lại xe ô tô vận chuyển gas, biển kiểm soát 29C-864.90 của vợ chồng Nguyễn Duy H15 (anh trai) và Nguyễn Thị Ngọc T12, trú tại: Thôn G, xã Y, huyện H, thành phố Hà Nội (gia đình H15 cũng kinh doanh gas) nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng. Năm 2020, H1 đã trực tiếp làm thủ tục xin cấp Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô 26C-864.90 tại Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an Thành phố H (lấy tên người xin cấp là Nguyễn Duy H15), Giấy phép vận chuyển được cấp ngày 19/10/2020 và có thời hạn đến ngày 19/10/2021.

Khoảng tháng 12/2021, H1 thấy trên hội nhóm Facebook “Hiệp hội kinh doanh gas miền B” có tài khoản tên D1 (không nhớ tên đầy đủ) đăng quảng cáo làm Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện, kèm số điện thoại 0886088055. H1 sử dụng tài khoản Zalo cá nhân “H” nhắn tin đặt làm Giấy phép vận chuyển, D1 báo giá là 1.600.000đ/giấy và chỉ cần chụp ảnh các giấy tờ gồm: đăng ký, đăng kiểm xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và Giấy phép lái xe, Chứng nhận huấn luyện của lái xe gửi cho D1. H1 đồng ý và đặt D1 làm Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô chở gas của gia đình, biển kiểm soát 29C-864.90 và gửi ảnh chụp các giấy tờ theo yêu cầu của D1. Sau đó D1 đã gửi Giấy phép vận chuyển, biểu trưng của xe ô tô 29C-864.90 cho H1 qua dịch vụ chuyển phát, thu hộ của Bưu Đ6 và H1 đã thanh toán cho D1 1.600.000đ. Sau đó H1 dán biểu trưng lên kính trước xe ô tô và cắt Giấy phép vận chuyển trên xe để sử dụng trong quá trình vận chuyển gas.

Khoảng tháng 01/2022, H1 tiếp tục đặt D1 làm thêm 01 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô, biển kiểm soát 26C-111.53 với giá 1.600.000đ và gửi ảnh chụp các giấy tờ liên quan cho D1 qua Zalo. Sau khi làm xong, D1 gửi Giấy phép vận chuyển và biểu trưng của xe này cho H1 qua dịch vụ chuyển phát, thu hộ của Bưu điện và H1 đã thanh toán 1.600.000đ cho D1.

Khoảng tháng 8/2022, khi Giấy phép vận chuyển do D1 làm cho xe ô tô 29C-864.90 hết hạn, H1 tiếp tục gửi ảnh chụp các giấy tờ liên quan của xe này cho D1 qua Z đặt D1 làm Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô, biển kiểm soát 29C - 864.90 với giá 1.600.000đ. Sau khi làm xong, D1 gửi Giấy phép vận chuyển, biểu trưng của xe này cho H1 qua dịch vụ chuyển phát, thu hộ của Bưu điện và H1 đã thanh toán 1.600.000đ cho D1. Sau đó H1 dán biểu trưng lên kính trước xe ô tô, cắt Giấy phép vận chuyển trên xe để sử dụng trong quá trình vận chuyển gas.

Sau khi có Giấy phép vận chuyển do D1 làm, Nguyễn Duy H1 đã sử dụng 02 xe ô tô trên để vận chuyển gas từ Chi nhánh xăng dầu Sơn La tại: Số A, đường L, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La về kho gas của gia đình tại: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (Ngày 01/3/2020 H1 làm thủ tục ký hợp đồng mua gas số 73/HĐKT với Chi nhánh xăng dầu Sơn La, thời hạn đến 01/3/2025 (Hợp đồng đứng tên ông Đỗ Quốc C5 - Bố vợ H1). Từ ngày 28/02/2022 đến ngày 31/01/2023, H1 đã mua và vận chuyển 09 chuyến gas với tổng khối lượng 35.730kg gas. Trong

đó sử dụng xe ô tô 26C-111.53 để vận chuyển 02 chuyến (ngày 28/02/2022 và ngày 14/3/2022), xe ô tô 29C-864.90 vận chuyển 01 chuyến (ngày 16/6/2022).

2.3. Đinh Văn T5 - Chủ cửa hàng gas Đạt P1

Đinh Văn T5 kinh doanh gas từ năm 2010, có cửa hàng tại: Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Từ năm 2019 đến năm 2020, T5 đã 03 lần trực tiếp làm thủ tục xin cấp Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô vận chuyển gas, nên nắm rõ thủ tục, quy trình, quy định về cấp Giấy phép vận chuyển.

Khoảng tháng 12/2022, T5 thấy trên hội nhóm Facebook “*Hiệp hội kinh doanh gas miền B*” có tài khoản tên “*Duy nuti*” đăng quảng cáo làm Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện, có hình ảnh các giấy tờ trên, kèm số điện thoại 0886088055. T5 gọi điện gặp người đàn ông giới thiệu tên là D1 làm nghề kinh doanh vận tải ở tỉnh Nam Định. D1 nói làm được Giấy phép vận chuyển, do Công an Nam định cấp và báo giá là 1.700.000đ/giấy, chỉ cần chụp ảnh các giấy tờ gửi cho D1 gồm: Đăng ký, đăng kiểm, bảo hiểm của xe ô tô xin cấp, Giấy phép lái xe, Chứng nhận huấn luyện của lái xe.

Do thời điểm này T5 chưa có xe ô tô chở gas, nên đã trao đổi thuê xe ô tô tải biển kiểm soát 26H-005.87 của Đào Văn L1 để vận chuyển gas nhưng xe của L1 sắp hết hạn Giấy phép vận chuyển nên T5 bảo L1 là sẽ tự làm giấy phép, L1 đồng ý và chụp, gửi ảnh đăng ký, đăng kiểm, bảo hiểm của xe ô tô biển kiểm soát 26H-005.87, Giấy phép lái xe, Chứng nhận huấn luyện của L1 cho T5. Sau đó T5 gửi ảnh các giấy tờ trên qua Zalo cho D1, đặt làm Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô 26H-005.87. Sau đó T5 mua lại xe ô tô tải biển kiểm soát 36H-014.37 của L1 nên tiếp tục chụp, gửi ảnh các giấy tờ liên quan của xe 36H-014.37 cho D1 để đặt D1 làm Giấy phép vận chuyển.

Khoảng 4-5 ngày sau thì D1 gửi Giấy phép vận chuyển, biểu trưng của xe ô tô 26H-005.87 và 36H-014.37 cho T5 qua dịch vụ chuyển phát, thu hộ của Bưu điện và khi nhận T5 đã thanh toán cho nhân viên bưu điện 3.400.000đ. Do đã mua được xe nên T5 không thuê xe ô tô của L1 nữa, tuy nhiên do đã đặt làm Giấy phép vận chuyển cho xe 26H-005.87 nên khi nhận được T5 chuyển cho L1 sử dụng (*không yêu cầu L1 trả tiền*). Do Giấy phép vận chuyển của xe 26H-005.87 bị sai thông tin (*xe tải nhưng lại ghi là xe đầu kéo*) nên L1 bảo T5 làm lại, T5 cho anh L1 số điện thoại của D1 để L1 tự liên hệ làm lại. Giấy phép vận chuyển của xe 36H-014.37 của T5 cũng bị sai (*xe tải nhưng lại ghi là xe đầu kéo*), T5 nghĩ không ai để ý nên không yêu cầu D1 làm lại.

Sau khi có Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm về cháy, nổ và biểu trưng của xe 36H -014.37. T5 đã sử dụng, dán biểu trưng lên kính xe và để giấy phép trên xe trong quá trình vận chuyển gas từ Công ty TNHH D4 tại: Khu A, huyện T, tỉnh Lai Châu và Công ty TNHH B8: Thôn G, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái về kho gas của gia đình tại: Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La (Ngày 05/3/2023 T5 ký hợp đồng mua gas số 15/2023/HĐ-DHV với Công ty TNHH D4,

thời hạn đến 31/3/2033. Từ ngày 30/3/2023 đến ngày 23/6/2023, T5 đã mua, vận chuyển 07 chuyến gas với tổng khối lượng 9.103kg và sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 36H-014.37 để vận chuyển. Ngày 01/01/2023 T5 ký hợp đồng mua gas số 05/SL-HĐDL với Công ty TNHH B8, thời hạn đến ngày 31/12/2033. Từ ngày 16/02/2023 đến ngày 25/12/2023, T5 đã mua và vận chuyển 08 chuyến gas với tổng khối lượng 27.435kg, sử dụng xe ô tô 36H-014.37 để vận chuyển gas).

2.4. Nguyễn Văn H4 - Chủ cửa hàng gas H18

Nguyễn Văn H4 kinh doanh gas từ năm 2020, có cửa hàng tại: Tiểu khu C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Năm 2019 và năm 2022, H4 đã 02 lần trực tiếp làm thủ tục xin cấp Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô vận chuyển gas biển kiểm soát 26C-088.98 tại Phòng C9 và CNCH Công an tỉnh S nên nắm rõ thủ tục, quy trình và quy định về cấp Giấy phép vận chuyển. Xe ô tô biển kiểm soát 26C-088.98 của H4 được cấp Giấy phép vận chuyển lần cuối ngày 30/3/2022, có thời hạn đến ngày 27/3/2023.

Khoảng tháng 3/2023, H4 vào nhóm Facebook thấy có tài khoản “Duy Nuti” đăng quảng cáo và đăng ảnh Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện, kèm số điện thoại 0886088055. H4 nhắn tin đặt làm Giấy phép vận chuyển, D1 báo giá 1.600.000đ, chỉ cần chụp và gửi ảnh các giấy tờ gồm: Đăng ký, đăng kiểm xe và Giấy phép lái xe, Chứng nhận huấn luyện của lái xe gửi qua tin nhắn Zalo cho D1. H4 đồng ý và đặt D1 làm Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-088.98 và chụp ảnh các giấy tờ gửi cho D1. Khoảng 3-4 ngày sau, D1 gửi Giấy phép vận chuyển cho H4 qua dịch vụ chuyển phát, thu hộ của Bưu điện, khi nhận H4 thanh toán 1.600.000đ cho nhân viên chuyển phát.

Tháng 8/2023, H4 tiếp tục chụp ảnh các giấy tờ liên quan của xe ô tô biển kiểm soát 26C-003.55 gửi cho D1 đặt làm Giấy phép vận chuyển với giá 1.600.000đ. Khoảng 3 ngày sau, D1 gửi Giấy phép vận chuyển cho H4, khi nhận được H4 thanh toán 1.600.000đ cho nhân viên chuyển phát.

Sau khi có được các Giấy phép vận chuyển do D1 làm, H4 đã dán biểu trưng lên kính trước của xe ô tô, cất giấy phép trên xe (để xuất trình giấy phép khi cơ quan chức năng kiểm tra) và đã sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 26C-088.98 để vận chuyển gas từ Công ty TNHH B8 tại: Thôn G, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái về kho gas của gia đình tại: Tiểu khu C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La (Ngày 01/01/2023 H4 ký hợp đồng mua gas số 01/SL-HĐDL với Công ty TNHH B8, thời hạn đến 31/12/2023. Từ ngày 30/3/2023 đến ngày 30/12/2023, H4 đã mua 48 chuyến gas với tổng khối lượng 156.672kg gas, thường xuyên sử dụng xe ô tô 26C-088.98 để vận chuyển gas).

2.5. Đào Văn L1 - Chủ cửa hàng Trung tâm Đ8

Đào Văn L1 được cấp Giấy phép kinh doanh gas năm 2017, cửa hàng tại: Số nhà D đường B, tiểu khu D, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Năm 2022, L1 đã trực tiếp làm thủ tục xin cấp Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát

26C-005.87 tại Phòng C9 và CNCH Công an tỉnh S và được cấp Giấy phép vận chuyển số 06/PCCC ngày 05/4/2022 (*thời hạn giấy phép đến ngày 29/12/2022*) nên L1 biết rõ thủ tục, quy trình và quy định về cấp Giấy phép vận chuyển.

Khoảng tháng 12/2022, Đinh Văn T5 đặt vấn đề thuê xe ô tô biển kiểm soát 26H-005.87 của L1 để chở gas, do xe sắp hết hạn Giấy phép vận chuyển nên T5 bảo L1 chụp ảnh các giấy tờ liên quan (*đăng ký, đăng kiểm xe, Giấy phép lái xe, Chứng nhận huấn luyện của L1*) gửi cho T5 qua Zalo. Tuy nhiên, sau đó T5 mua lại xe ô tô biển kiểm soát 36H-014.37 của L1 nên không thuê xe ô tô 26H-005.87 nữa. Do T5 đã đặt D1 làm Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô 26H-005.87 nên khi làm xong T5 đưa cho L1 Giấy phép vận chuyển của xe ô tô này (*Giấy phép 01/PCCC, cấp ngày 29/12/2022, có thời hạn đến ngày 27/12/2023*) và tiền làm giấy phép là do T5 trả. Khi xem Giấy phép vận chuyển thấy bị sai thông tin, ghi là “*Xe đầu kéo BKS 26H-005.87*” nên L1 bảo T5 làm lại, T5 cho L1 số điện thoại của D1 để L1 liên hệ. L1 đã liên hệ và yêu cầu D1 làm lại, sửa nội dung bị sai thành “*xe ô tô tải BKS 26H-005.87*”. D1 đồng ý và làm lại và gửi cho L1 Giấy phép vận chuyển (*số nhà D đường B, tiểu khu D, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La*) qua dịch vụ chuyển phát của Bưu điện (*L1 không phải trả tiền làm lại và cũng không phải trả lại giấy phép bị sai*).

Khoảng tháng 5/2023, Do giấy Chứng nhận huấn luyện của L1 hết hạn, nên L1 đã liên hệ, chụp ảnh Căn cước công dân gửi cho D1 đặt làm Chứng nhận huấn luyện để sử dụng với giá là 500.000đ. Khoảng 03 ngày sau thì D1 gửi Chứng nhận huấn luyện cho L1 qua dịch vụ chuyển phát, thu hộ của Bưu điện và L1 thanh toán 500.000đ cho nhân viên chuyển phát.

Sau khi có Giấy phép vận chuyển, Lâm dán biểu trưng lên kính trước xe ô tô 26H-005.87, cất Giấy phép vận chuyển trên xe (*để xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra*) và sử dụng xe ô tô này vận chuyển gas từ Công ty Cổ phần T17 tại: Thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội và Công ty TNHH M3 tại: Số B, đường H, tổ I, phường H, thành phố H, tỉnh Hòa bình về cửa hàng gas của gia đình L1 tại: Tiểu khu D, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (*Ngày 23/7/2023, L1 ký hợp đồng mua gas số 2307/LT-HT/2023 với Công ty Cổ phần T17, thời hạn đến ngày 31/12/2024. Từ ngày 28/7/2023 đến ngày 22/12/2023, L1 đã mua và vận chuyển 04 chuyến gas, với tổng khối lượng 14.529kg; Ngày 02/01/2023 L1 ký hợp đồng mua gas số 13/2023/HĐKT với Công ty TNHH M3, thời hạn đến 02/01/2024. Ngày 29/5/2023 và 11/6/2023, L1 đã mua và vận chuyển 02 chuyến gas với tổng khối lượng 2.232kg, sử dụng xe ô tô 26C-005.87 để vận chuyển*).

Chứng nhận huấn luyện do D1 làm, L1 cất tại cửa hàng để xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra (*đủ điều kiện kinh doanh gas*).

2.6. Nguyễn Văn H6 - chủ cửa hàng gas Huy Hiệu

Nguyễn Văn H6 kinh doanh gas từ năm 2020, có cửa hàng tại: Số nhà C, đường T, tổ F, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Từ năm 2020 đến năm 2021

H6 đã 04 lần trực tiếp làm thủ tục xin cấp Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô vận chuyển gas, trong đó 02 lần xin cấp cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-096.94 nên nắm rõ thủ tục, quy trình và quy định về việc cấp Giấy phép vận chuyển. Xe ô tô biển kiểm soát 26C-096.94 của H6 được cấp Giấy phép vận chuyển lần cuối ngày 28/5/2021, có thời hạn đến ngày 10/3/2022.

Khoảng đầu tháng 3/2023, H6 vào nhóm Facebook “*Hội các đại lý gas và bếp gas Bắc Trung N9*” thấy có tài khoản “*Duy Nuti*” đăng quảng cáo có lớp tập huấn và đăng ảnh Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện, kèm số điện thoại 0886088055. H6 sử dụng tài khoản Facebook cá nhân “*Gas Huy Hiệu*” nhắn tin đặt làm Giấy phép vận chuyển, D1 báo giá là 1.600.000đ/giấy chỉ cần chụp gửi ảnh các giấy tờ gồm: Đăng ký, đăng kiểm xe và Giấy phép lái xe, Chứng nhận huấn luyện của lái xe gửi cho D1. H6 đồng ý, đặt D1 làm Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô chở gas của gia đình, biển kiểm soát 26C-096.94 và chụp ảnh các giấy tờ gửi cho D1. Khoảng 3-4 ngày sau, D1 gửi Giấy phép vận chuyển và biểu trưng của xe ô tô này cho H6 qua dịch vụ chuyển phát, thu hộ của Bưu điện. Sau đó, H6 thanh toán cho nhân viên chuyển phát 1.600.000đ. H6 đã dán biểu trưng lên kính trước xe ô tô 26C-096.94, cắt Giấy phép vận chuyển trên xe và sử dụng chiếc xe này vận chuyển gas từ Công ty TNHH C10 tại: Cụm C, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La về kho gas của gia đình tại: Tổ G, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La (Ngày 01/01/2023, H6 ký hợp đồng mua gas số 24/HĐĐL, thời hạn đến 30/6/2023. Từ ngày 29/01/2023 đến ngày 03/6/2023, H6 đã mua và vận chuyển 05 chuyến gas với tổng khối lượng 12.960kg gas; sử dụng xe ô tô 26C-096.94 để vận chuyển, trong đó có 02 chuyến ngày 28/4/2023 và ngày 03/6/2023 sử dụng Giấy phép vận chuyển do D1 làm giả để vận chuyển gas).

2.7. Nguyễn Văn T9 - Chủ cửa hàng G

Nguyễn Văn T9 được cấp Giấy phép kinh doanh Gas từ năm 2016, cửa hàng tại: Bản M, xã Q, huyện P, tỉnh Sơn La. T9 đã tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn và cứu hộ do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh S tổ chức và đã được cấp Chứng nhận huấn luyện để sử dụng, đủ điều kiện kinh doanh gas nhưng đã hết hạn ngày 25/6/2018.

Khoảng tháng 5/2023, T9 vào nhóm F thấy có tài khoản “*Duy Nuti*” đăng quảng cáo và ảnh Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện, kèm số điện thoại 0886088055. Thái nhắn tin đặt làm Chứng nhận huấn luyện, Duy nhất T13, báo giá 500.000đ/giấy, chỉ cần chụp ảnh Căn cước công dân gửi qua tin nhắn Messenger cho D1. T9 đồng ý, chụp ảnh Căn cước công dân của T9 gửi cho D1. D1 yêu cầu đặt cọc 200.000đ, ngày 24/8/2023 T9 chuyển tiền vào tài khoản số 0886088055, tên Đỗ Quang D1 và mở tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q2 (M4). Ngày 29/8/2023, D1 gửi Chứng nhận huấn luyện cho T9 qua dịch vụ chuyển phát, thu hộ của Bưu điện và T9 thanh toán 300.000đ còn lại cho D1 qua nhân viên chuyển phát. Khi có Chứng nhận huấn luyện, T9 cắt tại cửa hàng để sử dụng, đủ điều kiện kinh doanh gas cho đến khi bị phát hiện, thu giữ.

2.8. Nguyễn Văn V - Chủ cửa hàng G

Nguyễn Văn V được cấp Giấy phép kinh doanh gas từ năm 2012, cửa hàng tại: Số B, đường T, tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Năm 2019 và năm 2020 V đã 03 lần trực tiếp làm thủ tục xin cấp Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô vận chuyển gas. Năm 2019, V đã được tập huấn và được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh S cấp Chứng nhận huấn luyện nên nắm rõ thủ tục, quy trình và quy định về việc cấp các giấy tờ trên. Xe ô tô chở gas, biển kiểm soát 26C-005.87 của V được cấp Giấy phép vận chuyển lần cuối, số 23/PCCC ngày 20/9/2021 và có thời hạn đến ngày 03/9/2022.

Khoảng đầu tháng 8/2023, V vào nhóm Facebook “*Hội kinh doanh gas PhetroVietNam*” thấy người có tài khoản “*Duy Nuti*” đăng quảng cáo và đăng ảnh Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện, kèm theo số điện thoại 0886088055. V sử dụng tài khoản Facebook “*Gas Nam V2*” nhắn tin trao đổi, D1 báo giá 1.700.000đ/Giấy phép vận chuyển, chỉ cần chụp và gửi ảnh các giấy tờ gồm: Đăng ký, đăng kiểm xe, Giấy phép lái xe, Chứng nhận huấn luyện của lái xe. V2 đồng ý, đặt D1 làm Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-083.56 và gửi ảnh các giấy tờ liên quan cho D1.

Do lái xe gas của V2 là Đào Văn M, sinh năm 1987, trú tại: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La chưa có Chứng nhận huấn luyện, không đủ điều kiện vận chuyển gas nên V2 nhắn tin trao đổi, D1 báo giá 500.000đ/Giấy, chỉ cần chụp ảnh Căn cước công dân gửi cho D1. V2 đồng ý và bảo M chụp Căn cước công dân gửi cho V2 rồi V2 gửi ảnh Căn cước công dân của M cho D1 qua Z.

Ngày 25/8/2023, V2 gặp 02 lái xe gas mà V2 quen biết là Tòng Văn H8, sinh năm 1988, trú tại: Bản C, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La và Lò Văn H9, sinh năm 1993, trú tại: Bản P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Qua trao đổi H8, H9 nhờ V2 giúp làm thủ tục cấp lại Chứng nhận huấn luyện vì giấy này của H8, H9 đã hết hạn, V2 đồng ý và bảo H8, H9 gửi ảnh Căn cước công dân, chi phí là 500.000đ/giấy. Sau khi H8, H9 gửi ảnh chụp Căn cước công dân, V2 tiếp tục chuyển cho D1 thì D1 yêu cầu đặt cọc trước 500.000đ và chuyển tiền cọc vào tài khoản 0886088055 tại ngân hàng M4, V2 đồng ý và chuyển tiền vào tài khoản trên, gửi địa chỉ nhận là: Số nhà B, Trần Đăng N8, tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La cho D1. Ngày 11/9/2023, sau khi V2 nhận được Giấy phép vận chuyển số 82/PCCC ngày 05/9/2023 và Chứng nhận huấn luyện của M, H8, H9 từ nhân viên chuyển phát của Bưu điện thì bị Cơ quan An ninh điều tra phát hiện.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) Phong bì bưu phẩm có Mã: EL 4231830 3 VN; mặt ngoài có ghi tên người gửi “*Đỗ Quang D1, TEL: 0886088055; T6 họ 1.700.000 + C (một triệu bảy trăm nghìn đồng); người nhận: gas N. SN: 238, đường T, Tổ I Phường Q, TP .. TEL: 0947377687*”. Bên trong chứa: 01 (một) Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (Giấy phép vận chuyển) số 82/PCCC, do Phòng Cảnh sát

Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh N cấp ngày 05/9/2023, thời hạn đến ngày 30/8/2024. Cơ quan tổ chức cá nhân ghi trên giấy phép: “*Công ty Cổ phần A1. Địa chỉ số D, T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Điện thoại: 02283649445. Đại diện là ông/bà: Trần Đăng K1, Chức danh: Giám đốc*”. Trên giấy phép có chữ ký, ghi họ và tên của Thượng tá Vũ Quyết C3 - Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh N và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh N; 01 (một) mảnh giấy hình chữ nhật, trên một mặt có nền màu đỏ, hình tam giác có viền đen nền bên trong có màu vàng và có hình ký hiệu màu đen, có ghi dòng chữ và số “2/1075 82/PCCC; BKS: 26C-083.65; Có giá trị đến hết ngày 30/08/2024”; mặt còn lại có ghi thông tin “*NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý*” và một số thông tin khác (*biểu trưng dùng cho xe vận chuyển gas*).

- 01 (một) Phong bì bưu phẩm có Mã: EL 42318555 5 VN; một mặt ngoài có ghi tên người gửi “*Đỗ Quang H16, TEL: 0886088055*”, Thu hộ: 1.000.000 + C (một triệu đồng chẵn); người nhận: gas N. SN: 238, đg Trần đăng Ninh T Phường Q TP .. TEL: 0947377687”. Bên trong chứa: 03 (ba) Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (*Chứng nhận huấn luyện*) lần lượt có số 0541515 mang tên Đèo Văn M, sinh năm 1987, số CCCD 014087000958, ngày cấp 29/3/2021; số 0541516 mang tên Tòng Văn H8, sinh năm 1988, số CCCD 014088004331, ngày cấp 13/4/2021; số 0541517 mang tên Lò Văn H9, sinh năm 1993, số CCCD 014093000960, ngày cấp 29/3/2021, do Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh N cấp ngày 28/5/2023. Trên các Giấy chứng nhận đều có chữ ký, ghi họ, tên Thượng tá Phạm Hoàng H13 - Phó Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh N và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh N.

Liên quan đến vụ án ngày 09/01/2024, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh S ra lệnh bắt bị can để tạm giam, ra lệnh khám xét chỗ ở đối với Chu Văn H, sinh năm 1978, trú tại: thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định - Phó Đội trưởng, Phòng C9 và CNCH, Công an tỉnh N; Nguyễn Văn D, sinh năm 1988, trú tại: tổ V, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; Đỗ Quang D1 sinh năm 1991, trú tại: thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Vật chứng thu giữ của Chu Văn H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xanh ngọc (đã niêm phong); 01 (một) máy tính Laptop nhãn hiệu Dell vỏ màu đen, viền trắng (đã niêm phong).

- Vật chứng thu giữ của Đỗ Quang D1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77 vỏ màu xanh (đã niêm phong); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17 vỏ màu xanh ghi (đã niêm phong); Tiền Việt Nam đồng: 2.758.000đ; 05 (năm) Chứng nhận huấn luyện số 1765031, 0541041, 0541061, 0541057, 0541048 mang tên Đỗ Quang D1, Nguyễn Tiến C1, Nguyễn Bình C4, Lê Diễm H10, Tòng Văn H12.

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, nắp sau màu nâu sẫm (đã niêm phong).

Mở rộng điều tra ngày 06/6/2024, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh S ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự; khởi tố bị can, khám xét chỗ ở đối với Nguyễn Văn V, sinh năm 1984, trú tại: tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; Nguyễn Quang H3, sinh năm 1985, trú tại: tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; Nguyễn Văn H6, sinh năm 1988, trú tại: tổ G, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; Nguyễn Duy H1, sinh năm 1982, trú tại: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Đào Văn L1, sinh năm 1983, trú tại: tiểu khu F, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; Đinh Văn T5, sinh năm 1987, trú tại: tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; Nguyễn Văn H4, sinh năm 1986, trú tại: tiểu khu C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Nguyễn Văn T9, sinh năm 1986, trú tại: bản M, xã Q, huyện P, tỉnh Sơn La là những chủ cửa hàng G đã cung cấp thông tin, đặt Đỗ Quang D1 làm Giấy phép vận chuyển; biểu trưng dành cho xe vận chuyển gas và Chứng nhận huấn luyện để sử dụng vận chuyển, kinh doanh gas.

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn V: 01 (một) Giấy phép vận chuyển số 82/PCCC, đề Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N cấp ngày 05/9/2023, đánh ký hiệu A1 và 01 biểu trưng cho xe ô tô 26C-083.65 ký hiệu A4; 03 (ba) Chứng nhận huấn luyện số 0541515, 0541516, 0541517 cấp ngày 28/5/2023 cho Đèo Văn M, Tòng Văn H8, Lò Văn H9. Ký hiệu A9, A10, A11 (thu giữ khi lập biên bản sự việc); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu tím than (đã niêm phong).

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Quang H3: 01 (một) Giấy phép vận chuyển số 66/PCCC, đề Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N cấp ngày 10/7/2023 cho xe ô tô Biển kiểm soát 29H- 747.79. Đánh ký hiệu A2; 02 (hai) biểu trưng đã bạc màu, góc trên bên phải có hình dấu đỏ đề tên Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N. Đánh ký hiệu A7, A8; 04 (bốn) Chứng nhận huấn luyện số 0541056, 0541052, 0541054, 0541049 cấp ngày 29/5/2023 cho Phạm Ngọc B1, Nguyễn Văn T11, Lò Văn H11, Lò Văn N7. Đánh ký hiệu A12, A13, A14, A15; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh (đã niêm phong).

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn H6: 01 (một) Giấy phép vận chuyển số 12/PCCC, đề Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N cấp ngày 10/3/2023 cho xe ô tô biển kiểm soát 26C - 096.94. đánh ký hiệu A4

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn H4: 01 (một) Giấy phép vận chuyển số 19/PCCC, đề Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N cấp ngày 27/3/2023 và 01 biểu trưng cấp cho xe 26C-088.98. đánh ký hiệu A6; 01 (một) biểu trưng góc trên bên phải có hình dấu đỏ đề tên Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N, cấp cho xe 26H-003.55. Đánh ký hiệu A6.

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Duy H1: 01 Giấy phép vận chuyển số 117/PCCC, đề Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N cấp ngày 22/8/2022 và 01 biểu trưng cấp cho xe 29C-864.90. Đánh ký hiệu A3; 01 Giấy phép vận chuyển số 224/PCCC, đề Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N cấp ngày 13/12/2021, cho xe 29C-864.90. Đánh ký hiệu A5; 01 Giấy phép vận chuyển số 03/PCCC, đề Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N cấp ngày 13/01/2022, cho xe 26C-111.53. A1.

- Vật chứng thu giữ của Đào Văn L1: 02 (hai) Giấy phép vận chuyển đều số 01/PCCC, đề Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N cấp ngày 29/12/2022 và 01 biểu trưng cấp cho xe 26H-005.87. Đánh ký hiệu A2; 01 (một) Chứng nhận huấn luyện số 0541045, cấp ngày 29/5/2023 cho Đào Văn L1. Đánh ký hiệu A14.

- Vật chứng thu giữ của Đinh Văn T5: 01 (một) Giấy phép vận chuyển số 02/PCCC, đề Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh N cấp ngày 29/12/2022 cho xe 36H-014.37. Đánh ký hiệu A1.

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn T9: 01 Chứng nhận huấn luyện số 0541518 mang tên Nguyễn Văn T9, cấp ngày 28/5/2023. Đánh ký hiệu A16.

Ngày 19/10/2023 Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 129/QĐ-PA09, trưng cầu Phòng K2, Công an tỉnh S giám định đối với các tài liệu thu giữ gồm: 03 Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (ký hiệu A1, A2, A3); 05 biểu trưng (ký hiệu từ A4 đến A8); 13 Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (ký hiệu từ A9 đến A21).

Tại Kết luận giám định số 2476/KL-KTHS ngày 23/10/2023 của Phòng K2 kết luận: “*Mẫu in 03 Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; 05 biểu trưng; 13 Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (đều là thật). Các hình dấu tròn trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A21 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M4 là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên Vũ Quyết C3, Phạm Hoàng H13 trên các Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ và Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bị thu giữ đều do Chu Văn H ký. Không phải do Vũ Quyết C3, Phạm Hoàng H13 ký ra*”.

Ngày 14/12/2023 Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 136/QĐ-PA09, trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh S giám định đối với các tài liệu thu giữ gồm: 04 Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (ký hiệu A1, A2, A3, A4); 02 biểu trưng (ký hiệu A5, A6); 01 Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (ký hiệu A7).

Tại Kết luận giám định số 47/KL-KTHS ngày 20/12/2023, của Phòng K2, kết luận: “*Mẫu in 04 Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (ký hiệu A1, A2, A3, A4); 02 biểu trưng (ký hiệu A5, A6); 01 Chứng nhận huấn luyện*

ng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (ký hiệu A7) đều là thật. Các hình dấu tròn trên các mẫu gửi giám định đều là thật. Chữ ký mang tên Vũ Quyết C3, Phạm Hoàng H13 trên các Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ và Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bị thu giữ đều do Chu Văn H ký; Không phải do các ông Vũ Quyết C3, Phạm Hoàng H13 ký ra”.

Ngày 10/6/2024, Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 105/QĐ-PA09, trưng cầu Phòng K2, Công an tỉnh S giám định đối với tài liệu thu giữ gồm: 01 Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (ký hiệu A1).

Tại Kết luận giám định số 1298/KL-KTHS ngày 17/6/2024, của Phòng K2, Công an tỉnh S kết luận: *“Mẫu in Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ là thật. Hình dấu tròn trên mẫu gửi giám định là thật. Chữ ký mang tên Vũ Quyết C3, Phạm Hoàng H13 trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ do Chu Văn H ký; Không phải do các ông Vũ Quyết C3 ký ra”.*

Ngày 14/6/2024, Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 108/QĐ-PA09, trưng cầu Phòng K2, Công an tỉnh S giám định đối với các tài liệu thu giữ gồm: 02 Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (ký hiệu A1, A2).

Tại Kết luận giám định số 1297/KL-KTHS ngày 17/6/2024, của Phòng K2, Công an tỉnh S kết luận: *“Mẫu in 02 Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ là thật. Hình dấu tròn trên mẫu gửi giám định là thật. Chữ ký mang tên Vũ Quyết C3, Phạm Hoàng H13 trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ do Chu Văn H ký; Không phải do các ông Vũ Quyết C3 ký ra”.*

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 145/CT-VKS-P1 ngày 23/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 về tội Giả mạo trong công tác quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Quang H3, Nguyễn Duy H1, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1 về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Ngày 10/10/2024, ông Chu Văn Đ thay mặt bị cáo Chu Văn H nộp khắc phục hậu quả số tiền 12.800.000 đồng.

Ngày 13/01/2025, ông Nguyễn Văn Đ4 thay mặt bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Đỗ Quang D1 nộp khắc phục hậu quả số tiền 9.400.000 đồng.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Các bị cáo: Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1; Nguyễn Duy H1, Nguyễn Quang H3, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1; Nguyễn Văn

H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, các bị cáo không khai báo gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn Đ, ông Nguyễn Văn Đ4, bà Nguyễn Thị Ú không yêu cầu các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 phải trả lại số tiền nộp khắc phục hậu quả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 phạm tội “Giả mạo trong công tác”; các bị cáo Nguyễn Quang H3, Nguyễn Duy H1, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

+ Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm b, s, t, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Văn H từ 08 đến 09 năm tù. Phạt bổ sung (*Phạt tiền*) bị cáo H từ 50 đến 100 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Quang D1 từ 07 đến 08 năm tù. Phạt bổ sung (*Phạt tiền*) bị cáo D1 từ 50 đến 100 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 07 đến 08 năm tù. Phạt bổ sung (*Phạt tiền*) bị cáo D từ 30 đến 50 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H1 từ 30 đến 36 tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù về tội Đánh bạc tại Bản án hình sự số 178/2024/HS-ST ngày 18/9/2024. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả 02 bản án từ 66 đến 72 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (*Phạt tiền*) đối với bị cáo H1.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H3 từ 24 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Văn T5 từ 24 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 từ 24 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn L1 từ 24 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (*Phạt tiền*) đối với các bị cáo Nguyễn Quang H3, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn H6 từ 50 đến 60 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T9 từ 50 đến 60 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn V từ 50 đến 60 triệu đồng.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V.

+ Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Iphone vỏ màu xanh ngọc, 01 (một) máy tính Laptop hiệu Dell vỏ màu đen, viền trắng, trên vỏ có chữ "Latitude E6320 Assembled" của Chu Văn H. 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu OPPO A77 vỏ màu xanh, 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu OPPO A17 vỏ màu xanh ghi; tiền Việt Nam đồng: 2.758.000 đồng của Đỗ Quang D1. 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, nắp sau màu nâu sẫm của Nguyễn Văn D. 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung, vỏ màu tím than của Nguyễn Văn V. 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh của Nguyễn Quang H3.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội Giả mạo trong công tác là không phù hợp, vì tội phạm này là chủ thể đặc biệt (bị cáo D không phải là người có chức vụ, quyền hạn). Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả số tiền thu lợi bất chính. Kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật và xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

- Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Đỗ Quang D1: Nhất trí với ý kiến tranh luận về tội danh mà vị Luật sư đồng nghiệp bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D. Bị cáo D1 và bị cáo D là đồng phạm trong vụ án Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo D1 và bị cáo D về tội Giả mạo trong công tác theo điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự là không phù hợp. Mặt khác, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo là người có công với Nhà nước được tặng huân chương. Ngoài

ra, mức hình phạt bổ sung (phạt tiền) mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá cao, bị cáo không có điều kiện để thi hành. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét.

- Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn T5: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố. Bị cáo Đinh Văn T5 tuy 02 lần đặt mua giấy tờ giả nhưng bị cáo mới chỉ sử dụng 01 giấy tờ giả, còn 01 giấy tờ giả bị cáo đã giao lại cho bị cáo L1 sử dụng. Vì vậy bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Sử dụng tài liệu giả quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Mặt khác, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chưa gây thiệt hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Các bị cáo Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1, Đinh Văn T5 nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận bổ sung, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1; Nguyễn Duy H1, Nguyễn Quang H3, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1; Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội:

Chu Văn H là Phó Đội trưởng, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh N, là người được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, tham mưu cấp các giấy tờ liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy cho các cơ sở kinh doanh Gas. Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 là nhân viên Công ty Cổ phần A2 biết Chu Văn H là người có chức vụ nên đã liên hệ với H xin cấp các giấy tờ về phòng cháy, chữa cháy. Sau đó D, D1 đã nhận thông tin của các cá nhân qua Zalo và chuyển qua Zalo cho H. H soạn thảo Giấy phép vận chuyển; Chứng nhận huấn luyện trên máy tính cá nhân và sử dụng phôi mẫu do đơn vị giao quản lý in ra, ký giả chữ ký của lãnh đạo (*ông Vũ Quyết C3 và ông Phạm Hoàng H13*), đóng dấu của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh N rồi giao cho D, D1 và nhận tiền từ các cá nhân gồm: Nguyễn Quang H3, Nguyễn Duy H1, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V.

Quá trình điều tra xác định: Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 đã làm giả 12 Giấy phép vận chuyển kèm 12 biểu trưng dành cho xe vận chuyển gas và 14 Chứng nhận huấn luyện. Trong đó Chu Văn H được hưởng lợi 12.800.000đ; Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 được hưởng lợi 9.400.000đ. Cụ thể như sau:

Nguyễn Quang H3 đã 02 lần đặt Đỗ Quang D1 làm giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 29H-747.79, xe ô tô biển kiểm soát 26C-066.75 và 06 Chứng nhận huấn luyện mang tên: Phạm Ngọc B1, Nguyễn Văn T11, Lò Văn N7, Lò Văn H11, Lê Diễm H10, Tòng Văn H12.

Nguyễn Duy H1 đã 03 lần đặt Đỗ Quang D1 làm Giấy phép vận chuyển cho các xe ô tô biển kiểm soát 29C-864.90 (*năm 2021 và 2022*) và 26C-111.53.

Đinh Văn T5 đã 02 lần đặt Đỗ Quang D1 làm 02 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 36H- 014.37 và 26C-005.87.

Nguyễn Văn H4 đã 02 lần đặt Đỗ Quang D1 làm Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-088.98 và 26H-003.55.

Đào Văn L1 đã 02 lần đặt Đỗ Quang D1 làm: 01 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-005.87 và 01 Chứng nhận huấn luyện mang tên Đào Văn L1.

Nguyễn Văn H6 đã đặt Đỗ Quang D1 làm 01 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-096.94.

Nguyễn Văn T9 đã đặt Đỗ Quang D1 làm 01 Chứng nhận huấn luyện mang tên Nguyễn Văn T9.

Nguyễn Văn V đã 01 lần đặt Đỗ Quang D1 làm 01 Giấy phép vận chuyển cho xe ô tô biển kiểm soát 26C-083.65 chở gas của gia đình V và 03 Chứng nhận huấn luyện mang tên Lò Văn H9, Tòng Văn H8, Đèo Văn M là những người lái xe thuê cho V.

Ngày 11/9/2023 khi V đang nhận số giấy tờ trên qua đường bưu điện thì bị Tổ công tác Cơ quan an ninh điều tra phát hiện và thu giữ như đã nêu trên.

Hành vi của các bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ sau:

Biên bản thu giữ vật chứng của các bị cáo trong vụ án; Kết luận giám định số 2476/KL-KTHS ngày 23/10/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh S; Kết luận giám định số 2469/KL-KTHS ngày 23/10/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh S; Kết luận giám định số 47/KL-KTHS ngày 20/12/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh S; Kết luận giám định số 1297/KL-KTHS ngày 17/6/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh S; Kết luận giám định số 1298/KL-KTHS ngày 17/6/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh S; phôi mẫu giấy phép vận chuyển; B

iếu trung; chứng nhận huấn luyện; hình dấu; mẫu chữ ký của ông Vũ Quyết C3, Phạm Hoàng H13 và của bị cáo Chu Văn H.

Lời khai nhận tội của Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1; Nguyễn Quang H3, Nguyễn Duy H1, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1; Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V tại Cơ quan điều tra và phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận, hành vi của các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 phạm tội “Giả mạo trong công tác”, tội phạm được quy định tại Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Quang H3, Nguyễn Duy H1, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm được quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự.

[4] Về khung hình phạt áp dụng:

Hành vi nêu trên của các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 đã phạm tội Giả mạo trong công tác, có tình tiết định khung “*Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng 11 giấy tờ giả trở lên*”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự, thuộc trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Quang H3, Nguyễn Duy H1, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1 đã phạm tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, có tính tiết định khung “*Phạm tội 2 lần trở lên*”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự, có mức phạt tù từ 02 năm đến 05 năm, thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V đã phạm tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm, thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng.

[5] Về vai trò của các bị cáo phạm tội Giả mạo trong công tác:

Bị cáo Chu Văn H đã trực tiếp sử dụng phôi mẫu các giấy tờ do đơn vị giao quản lý, ký giả chữ ký của lãnh đạo, đóng dấu của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh N rồi giao cho các bị cáo Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1. Do đó bị cáo giữ vai trò chính, là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Bị cáo Đỗ Quang D1 tuy không phải là người trực tiếp làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, nhưng là người thúc đẩy, đặt vấn đề nhờ bị cáo Nguyễn Văn D làm các giấy tờ giả cho một số người không ở cùng tỉnh và cũng không phải là nhân viên của Công ty Cổ phần A1, bị cáo là người trực tiếp nhận tiền và giao các giấy tờ giả cho những người đặt làm. Do đó, xác định bị cáo giữ vai trò là người xúi giục.

Bị cáo Nguyễn Văn D do có mối quan hệ với bị cáo Chu Văn H từ trước, nên sau khi tiếp nhận ý kiến của bị cáo Đỗ Quang D1, bị cáo đã trao đổi với bị cáo Chu Văn H làm giả các giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Bị cáo là người trực tiếp thoả thuận giá tiền trên từng loại giấy tờ làm giả với bị cáo Chu Văn H. Do đó, xác định bị cáo Nguyễn Văn D giữ vai trò là người xúi giục, giúp sức cho bị cáo Chu Văn H thực hiện tội phạm.

Đối với các bị cáo Nguyễn Duy H1, Nguyễn Quang H3, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V phạm tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức: Hành vi phạm tội của các bị cáo độc lập nên không có vai trò đồng phạm.

[6] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1, Nguyễn Quang H3, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V đều phạm tội lần đầu; chưa có tiền án, tiền sự.

Ngày 18/9/2024 bị cáo Nguyễn Duy H1 bị Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 36 tháng tù về tội Đánh bạc, tại Bản án số 178/2024/HSST (Tội phạm thực hiện sau nhưng bị xét xử trước). Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh S.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1; Nguyễn Duy H1, Nguyễn Quang H3, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1; Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án; tác động gia đình nộp toàn bộ số

tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Chu Văn H trong quá trình công tác có nhiều thành tích, được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba và nhiều bằng khen, giấy khen, danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; bố đẻ bị cáo ông Chu Văn Đ, mẹ đẻ bị cáo bà Nguyễn Thị L được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì và bằng khen, giấy khen, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đỗ Quang D1 và bị cáo Nguyễn Văn D đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo Đỗ Quang D1 có bố đẻ ông Đỗ Văn T14 được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự..

Bị cáo Nguyễn Duy H1 có bà nội là Đinh Thị C6 được tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng; có bác ruột Nguyễn Duy M1, Nguyễn Duy M2 là Liệt sĩ; bố đẻ là Nguyễn Duy Đ3 (tên khác Nguyễn Duy B2) được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đinh Văn T5 có ông ngoại là Lò Văn S được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bác ruột là Bùi Văn N10 được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, bố mẹ vợ là Lò Văn C7, Lò Thị Y được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen. Bị cáo Đào Văn L1 có bố đẻ Đào Văn N4 là bệnh binh được hưởng chế độ chính sách, ông ngoại Nguyễn Đắc Q1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bác Nguyễn Đắc B3 là liệt sĩ, bà ngoại Nguyễn Thị S1 là mẹ Việt Nam anh hùng. Bố mẹ bị cáo Nguyễn Quang H3 là người có công, có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo Nguyễn Văn H4 có ông ngoại là Hoàng Minh C8 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, có bố mẹ vợ là Dương Đình B4, Phạm Thị H17 và vợ là Dương Thị Mai A được tặng nhiều bằng khen, giấy khen; các bị cáo đều có đơn xin cải tạo tại địa phương và được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, cần xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Văn H6 có vợ là chị Đào Như P được tặng nhiều bằng khen, giấy khen. Bị cáo Nguyễn Văn T9 có bố đẻ là ông Nguyễn Văn B5 được tặng kỷ niệm chương chiến sĩ trường sơn đường H. Bị cáo Nguyễn Văn V có bố đẻ là Nguyễn Võ N11 (Lăng) được Huy chương kháng chiến hạng nhì. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tính chất, mức độ nguy hiểm, chính sách hình sự và hình phạt:

Xét thấy, các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 phạm tội với vai trò đồng phạm nên được xem xét theo quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự và Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử các tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì vậy cần vận dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liên kề. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 là nguy hiểm, không những xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn xâm phạm đến công tác quản lý, sự hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của các tổ chức, cá nhân và cơ quan Nhà nước, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án mới bảo đảm tính giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Bị cáo Nguyễn Duy H1 phạm tội nghiêm trọng trong khi đang phải chấp hành một bản mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước đó. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đinh Văn T5, Nguyễn Quang H3, Đào Văn L1, Nguyễn Văn H4 tuy phạm tội nghiêm trọng nhưng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, hiện nay hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình. Căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Thấy rằng, các bị cáo Nguyễn Quang H3, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1 có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần xử cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và việc cho các bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với các bị cáo. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ biện pháp răn đe, giáo dục.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính, vì vậy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền nhất định để sung ngân sách Nhà nước.

Tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Duy H1, Nguyễn Quang H3, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1 phạm tội không có tính chuyên nghiệp, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, không có khả năng thi hành; các bị cáo Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V được áp dụng phạt tiền là hình phạt chính. Vì vậy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Đối với những người liên quan:

- Đối với Đèo Văn M, Tòng Văn H8, Lò Văn H9 đã cung cấp thông tin (*chụp ảnh Căn cước công dân*) cho bị cáo Nguyễn Văn V, sau đó V chuyển cho Đỗ Quang D1 đặt làm Chứng nhận huấn luyện. Tuy nhiên, M, H8, H9 đều không biết việc V đặt D1 làm Chứng nhận huấn luyện cho họ và cũng chưa nhận, sử dụng nên không xem xét, xử lý đối với những người này.

- Đối với Phạm Ngọc B1, Nguyễn Văn T11, Lò Văn N7, Lò Văn H11, Lê Diễm H10, Bạch Văn N6, Đỗ Thị L6, Tòng Văn H12 đã cung cấp ảnh Căn cước công dân cho bị cáo Nguyễn Quang H3, sau đó H3 chuyển cho Đỗ Quang D1 đặt làm Chứng nhận huấn luyện cho họ. Tuy nhiên, những người này chỉ là người làm thuê cho H3, không biết H3 đặt làm Chứng nhận huấn luyện giả. Do vậy, không đủ căn cứ xem xét, xử lý đối với các trường hợp này.

- Đối với 02 Chứng nhận huấn luyện mang tên Nguyễn Bình C4, Nguyễn Tiến C1 do bị cáo Đỗ Quang D1 giao nộp, Cơ quan điều tra đã xác minh, ông Nguyễn Bình C4 và ông Nguyễn Tiến C1 đều khai không cung cấp thông tin, không đặt làm Chứng nhận huấn luyện; bị cáo Đỗ Quang D1 cũng không xác định được người đặt làm 02 Chứng nhận huấn luyện nêu trên. Do vậy, không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với ông Nguyễn Bình C4, Nguyễn Tiến C1.

- Ngoài ra quá trình điều tra, kiểm tra máy tính tạm giữ của bị cáo Chu Văn H, phát hiện thông tin của nhiều xe ô tô, trong đó có các xe ô tô bị cáo đã làm giả Giấy phép vận chuyển tại tỉnh Sơn La nêu trên, ngoài ra còn có 45 xe ô tô biển kiểm soát đăng ký tại nhiều tỉnh khác. Sau khi tra cứu tại Phòng C11, Công an

tỉnh S xác định được chủ sở hữu, Cơ quan An ninh điều tra đã có văn bản trao đổi và đề nghị Công an các tỉnh có liên quan tiến hành xác minh, làm rõ có việc mua, sử dụng Giấy phép vận chuyển giả không, nếu có thì xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Chu Văn Đ, ông Nguyễn Văn Đ4, bà Nguyễn Thị Ú là người thân của các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền nộp khắc phục hậu quả. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng, tài sản:

Vật chứng, tài sản lưu tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động di động Iphone 11 thu giữ của bị cáo Chu Văn H, xác định bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, vỏ màu đen, viền trắng, trên vỏ có chữ “Latitude E6320 Assembled” thu giữ của bị cáo Chu Văn H, xác định bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động di động Oppo A17 và 01 chiếc điện thoại di động di động Oppo A77 thu giữ của bị cáo Đỗ Quang D1, xác định bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động di động Redmi9 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D, xác định bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 10+, màu tím than, loại màn hình cảm ứng, trong máy gắn 02 sim điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn V, xác định bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone Promax thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang H3, xác định bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 2.758.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tạm giữ của bị cáo Đỗ Quang D1. Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Quang D1 xác định là tiền bị cáo Nguyễn Văn V đặt làm giấy tờ giả, vì vậy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Chu Văn H phạm tội “Giả mạo trong công tác”. Xử phạt bị cáo Chu Văn H 08 (T15) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 11/01/2024).

Phạt tiền bị cáo Chu Văn H 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

1.2. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Giả mạo trong công tác”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 07 (B6) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 11/01/2024).

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn D 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

1.3. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang D1 phạm tội “Giả mạo trong công tác”. Xử phạt bị cáo Đỗ Quang D1 07 (B6) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 11/01/2024).

Phạt tiền bị cáo Đỗ Quang D1 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

1.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy H1 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H1 24 (Hai bốn) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 36 (Ba sáu) tháng tù tại Bản án số 178/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 02 bản án là 60 (Sáu mươi) tháng tù. Được khấu trừ 22 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 13/01/2024 đến ngày 02/02/2024) tại Bản án số 178/2024/HSST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và 43 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 11/6/2024 đến ngày 24/7/2024) trong vụ án này. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 04/11/2024 (ngày bị cáo đến chấp hành hình phạt tù theo Quyết định thi hành án phạt tù số 19/2024/QĐ-CA ngày 24/10/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Duy H1.

1.5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Đinh Văn T5 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Đinh Văn T5 24 (Hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (Ngày 20/01/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đinh Văn T5.

1.6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang H3 phạm

tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H3 24 (Hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (Ngày 20/01/2025).

Không áp dụng bình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Quang H3.

1.7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Đào Văn L1 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Đào Văn L1 24 (Hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (Ngày 20/01/2025).

Không áp dụng bình phạt bổ sung đối với bị cáo Đào Văn L1.

1.8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H4 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 24 (Hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (Ngày 20/01/2025).

Không áp dụng bình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn H4.

Giao bị cáo Đinh Văn T5 cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S; bị cáo Nguyễn Quang H3 cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S; bị cáo Đào Văn L1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M; bị cáo Nguyễn Văn H4 cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 86, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.9. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H6 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn H6 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

1.10. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T9 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T9 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

1.11. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn V 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (*Phạt tiền*) đối với các bị cáo Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V.

2. Về xử lý vật chứng, tài sản: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

2.1. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (Một) chiếc máy tính xách tay (L9) nhãn hiệu Dell, vỏ màu đen, viền trắng, trên vỏ có chữ "Latitude E6320 Assembled", đã qua sử dụng (thu giữ của Chu Văn H). Tại thời điểm giao nhận, chiếc máy tính đã được dán giấy niêm phong bằng 03 giấy niêm phong số 097372, 097373, 097374 do Công an tỉnh S tại 03 vị trí khác nhau, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ và tên của ông Chu Văn H, thành phần tham gia và 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh S.

+ 01 (Một) chiếc phong bì màu trắng do Cơ quan An ninh điều tra phát hành nguyên niêm phong. Tại vị trí giáp lai của phong bì có dán một giấy niêm phong số 097428 do Công an tỉnh S phát hành, trên giấy niêm phong có chữ ký của Chu Văn H, điều tra viên và người chứng kiến và hai hình dấu tròn đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh S. Mặt trước phong bì có ghi “Niêm phong 01 điện thoại di động Iphone 11 do Chu Văn H giao nộp”.

+ 01 (Một) chiếc phong bì màu trắng do Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh S phát hành nguyên niêm phong. Tại mép dán được dán để một giấy niêm phong có số 097370 do Công an tỉnh S phát hành, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ và tên của các thành phần tham gia và 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh S. Một mặt có ghi: "01 (một) điện thoại Oppo A17 do Đỗ Quang D1, sinh năm 1991, tạm trú tại A, đường T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định tự nguyện giao nộp ngày 13/09/2023".

+ 01 (Một) chiếc phong bì màu trắng do Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh S phát hành nguyên niêm phong. Tại vị trí giáp lai của phong bì dán giấy niêm phong của Công an tỉnh S số 097369, trên giấy niêm phong có chữ ký của Đỗ Quang D1 và những người tham gia và hai hình dấu tròn đỏ của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh S. Mặt trước phong bì ghi: "Điện thoại Đỗ Quang D1 giao nộp ngày 08/10/2023 (OPPO A77)".

+ 01 (Một) chiếc phong bì màu trắng do Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh S phát hành nguyên niêm phong. Tại mép dán được dán để một giấy niêm phong có số 097371 do Công an tỉnh S phát hành, trên giấy niêm phong có chữ

ký, họ và tên của các thành phần tham gia và 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh S. Một mặt có ghi: "01 (một) điện thoại Redmi9 do Nguyễn Văn D, sinh năm 1988, trú tại: Tổ dân phố V, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định tự nguyện giao nộp ngày 14/09/2023".

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10⁺, màu tím than, loại màn hình cảm ứng, trong máy gắn 02 sim điện thoại, qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Văn V). Tại thời điểm giao, nhận không kiểm tra được thông tin, I và tình trạng hoạt động của điện thoại do đã hết pin, không bật được nguồn; Hai bên giao, nhận đã niêm phong chiếc điện thoại kèm sim vào một phong bì để bảo quản theo quy định.

+ 01 (Một) chiếc phong bì màu trắng do Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh S phát hành nguyên niêm phong. Tại mép dán được dán đè một giấy niêm phong có số 097375 do Công an tỉnh S phát hành, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ và tên của các thành phần tham gia và 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh S. Một mặt phong bì có ghi: " 01 (một) điện thoại Iphone Promax do Nguyễn Quang H3, sinh năm 1985, trú tại: Tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La tự nguyện giao nộp ngày 13/10/2023".

+ Số tiền 2.758.000đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*) niêm phong hồi 14 giờ 40 phút ngày 31/10/2023. Một mặt phong bì ghi "Vật chứng vụ: Đỗ Quang D1 cùng đồng bọn - Làm giả giấy tờ của cơ quan, tổ chức. Tại Phòng PC09 - Công an tỉnh S. Mặt sau phong bì dán giấy niêm phong số 0019322 có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu của phòng K2 Công an tỉnh S.

(Hiện trạng, đặc điểm vật chứng, tài sản theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 10 giờ 20 phút ngày 18/9/2024 giữa Cơ quan Điều tra Công an tỉnh S và Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

2.3. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vỏ gói, vỏ phong bì cũ gửi giám định và các vỏ phong bì niêm phong vật chứng của vụ án.

2.4. Ghi nhận việc bị cáo Chu Văn H khắc phục hậu quả nộp ngân sách Nhà nước số tiền 12.800.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002293 ngày 10/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Bị cáo Nguyễn Văn D khắc phục hậu quả nộp ngân sách Nhà nước số tiền 4.700.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002661 ngày 13/01/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Bị cáo Đỗ Quang D1 khắc phục hậu quả nộp ngân sách Nhà nước số tiền 4.700.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002660 ngày 13/01/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Chu Văn H, Nguyễn Văn D, Đỗ Quang D1; Nguyễn Duy H1, Nguyễn Quang H3, Đinh Văn T5, Nguyễn Văn H4, Đào Văn L1; Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/01/2025). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- UBND phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La;
- UBND phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La;
- UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên;
- Bị cáo; NLQ
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh